

BẢNG KIỂM KHÁM SỨC KHỎE CHO TRẺ GIAI ĐOẠN 7-9 THÁNG

Dành cho cán bộ y tế tuyến xã phường tại trạm y tế

HÀNH CHÍNH		
1. Họ và tên (<i>In hoa</i>):		
2. Sinh ngày:		
3. Giới: ☐ Nam ☐ Nữ		
4. Dân tộc:		
5. Nơi ở:		
6. Họ tên bố:	Trình độ VH của bố:	Nghề nghiệp của bố:
7. Họ tên mẹ:	Trình độ VH của mẹ:	Nghề nghiệp của mẹ:
8. Tiền sử:		
- Bản thân:		
- Gia đình:		
ĐÁNH GIÁ DẤU HIỆU SINH TỒN		
Nhiệt độ:	☐ Bình thường	☐ Không bình thường
Mạch:	☐ Bình thường	☐ Không bình thường
Nhịp thở:	☐ Bình thường	☐ Không bình thường
Huyết áp (nếu trẻ có nguy cơ):		
SpO2 (nếu cần):		
ĐÁNH GIÁ DINH DƯỠNG		
Chiều dài (cm).....Chiều dài/Tuổi:SD		
Cân nặng(kg).....Cân nặng/Tuổi.....SD		
☐ Phù dinh dưỡng ☐ Thiếu máu ☐ Còi xương ☐ Thiếu vitamin A		
ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN TINH THẦN -VẬN ĐỘNG		
Các kỹ năng phát triển	Kết quả	
	Có	Không
- Quay đầu về phía tiếng gọi hoặc người nói chuyện	☐	☐
- Nhận biết được lạ quen	☐	☐
- Chuyển đồ vật từ tay này sang tay khác	☐	☐
- Ngồi được không cần hỗ trợ	☐	☐
- Di chuyển bằng cách trườn, bò	☐	☐

ĐÁNH GIÁ TIÊM CHỦNG		
Kiểm tra sổ tiêm chủng	Có	Không
- Viêm gan B mũi 1(sơ sinh)	☐	☐
- Lao (sơ sinh)	☐	☐
- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 1	☐	☐
- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 2	☐	☐
- Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván - Viêm gan B - Hib (vắc xin 5 trong 1) mũi 3	☐	☐
- Uống vắc xin bại liệt lần 1	☐	☐
- Uống vắc xin bại liệt lần 2	☐	☐
- Uống vắc xin bại liệt lần 3	☐	☐
- Tiêm vắc xin bại liệt IPV	☐	☐
- Sởi đơn (9 tháng)	☐	☐
Tư vấn:		
KHÁM LÂM SÀNG		

Quan sát: *Nét mặt/tư thế/tỷ lệ, sự đối xứng với các bộ phận cơ thể/sự chuyển động của trẻ.
Tìm dấu hiệu bệnh cấp hoặc mạn tính*

1. Da: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường

.....

2. 2. Đầu - cổ:

2.1. Khám đầu-cổ:

- Sờ thóp: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
 - Kích thước và hình dạng đầu: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
 - Khối bất thường: ☐ Có ☐ Không
-

2.2. Khám mắt

- Mí mắt và kết mạc: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
 - Rung giật nhãn cầu/lác/vận động mắt bất thường: ☐ Có ☐ Không
 - Đồng tử (kích thước, phản xạ): ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
 - Thị lực: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
-

2.3. Khám tai

- Tai và màng nhĩ: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
 - Thính lực: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
-

2.4. Khám mũi họng ☐ Bình thường ☐ Không bình thường

2.5. Bất thường răng miệng: ☐ Có ☐ Không

.....

3. Hô hấp

- Dấu hiệu suy hô hấp: ☐ Có ☐ Không
 - Tiếng thở bất thường ☐ Có ☐ Không
 - Nghe phổi ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
-

4. Tim mạch

- Vị trí mỏm tim: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
- Mạch ngoại vi (mạch quay-bẹn): ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
- Nghe tim (rối loạn nhịp tim, tiếng thổi): ☐ Có ☐ Không

.....

5. Bụng và cơ quan sinh dục

- Hình dáng bụng, rốn: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
 - Gan, lách to: ☐ Có ☐ Không
 - Khối bất thường: ☐ Có ☐ Không
 - Cơ quan sinh dục ngoài: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
-

6. Cơ xương và thần kinh

- Vận động không đối xứng: ☐ Có ☐ Không
- Trương lực cơ: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
- Phản xạ cơ: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường

KẾT LUẬN VÀ TƯ VẤN

Kết luận về sức khỏe:

- ☐ Bình thường
- ☐ Có vấn đề về sức khỏe.

Ghi rõ:

Tư vấn: